PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học 2022 - 2023

A. LÝ THUYẾT

- Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên.
- Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên.
- Dấu hiệu chia hết cho 2,5,3,9. Số nguyên tố, hợp số.
- Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Hình chữ nhật, hình thoi. Hình bình hành.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Cách viết đúng trong các cách viết sau:

A. $\frac{2}{3} \in N$ B. $0 \in N^*$ C. $0 \in N$ D. $0 \notin N$

Câu 2. Thế kỉ thứ XXI được đọc là: Thế kỉ thứ:

A. Hai mươi mốt B. Hai mươi C. Mười chín D. Ba mươi mốt

Câu 3. Kết quả $a^m.a^n$ được viết dưới một dạng lũy thừa là:

A. $a^{m.n}$ B. $(a.a)^{m+n}$ C. a^{m+n} D. $(a.a)^{m.n}$

Câu 4. Trong các số sau: 1235; 4327; 9876; 2021 số chia hết cho 2 là:

A. 9876 B. 1235 C. 4327 D. 2021

Câu 5. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

A. $\{\ \} \to [\ ] \to (\ )$ B. $(\ ) \to [\ ] \to \{\ \}$ C. $\{\ \} \to (\ ) \to [\ ]$ D. $(\ ) \to \{\ \} \to [\ ]$

Câu 6. Gọi A là tập hợp các chữ số của số 2021 thì :

A. $A = \{2;0;1\}$ B. $A = \{2;0;2;1\}$ C. $A = \{2;1\}$ D. $A = \{0;1\}$

Câu 7. Tập hợp các số tự nhiên là ước của 16 là:

A. $\{2;4;8;16\}$ B. $\{1;2;4;8\}$ C. $\{0;2;4;8;16\}$ D. $\{1;2;4;8;16\}$

Câu 8. Điều kiện của x để biểu thức $A = 12 + 14 + 16 + x$ chia hết cho 2 là

A. x là số tự nhiên chẵn B. x là số tự nhiên lẻ

C. x là số tự nhiên bất kì D. $x \in \{0;2;4;6;8\}$

Câu 9. Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 trong các số sau?

A. . 45 B. 78 C. 180 D. 210

Câu 10. Cho các số tự nhiên: 13; 2010; 801; 91; 101. Trong các số này:

A. có 2 hợp số B. có 2 số nguyên tố

C. chỉ có một số chia hết cho 3 D. số 13 và 91 là 2 số nguyên tố cùng nhau

Câu 11. Cho 4 số tự nhiên: 1234; 3456; 5675; 7890. Trong 4 số trên có bao nhiêu số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 ?

A. . 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 12. Tam giác đều có:

A. Chỉ hai cạnh bằng nhau.

B. Chỉ hai góc bằng nhau.

C. Ba cạnh bằng nhau, hai góc bất kì của tam giác không bằng nhau

D. Ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau.

Câu 13. Chọn câu trả lời SAI trong các câu sau:

A. Hình vuông $ABCD$ có $AB = BC = CD = DA$.

B. Hình vuông $ABCD$ có bốn góc ở các đỉnh A, B, C, D là góc vuông.

C. Hình vuông $ABCD$ có $AC = BD$ và AC song song với BD.

D. Hình vuông $ABCD$ có $AB = BC = CD = DA$.

Câu 14. Công thức tính diện tích $S = a.a$ (trong đó a là độ dài của cạnh hình đó) là công thức của:

A. Tam giác đều. **B.** Hình vuông. **C.** Hình lục giác đều. **D.** Hình thoi.

Câu 15. Lục giác đều có bao nhiêu góc bằng nhau?

A. 2 **B.** 4 **C.** 6 **D.** 8.

Câu 16. ΔMNP đều khi:

A. $MN = NP$ **B.** $MN = MP$ **C.** $MP = NP$ **D.** $MN = NP = PM$.

Câu 17. Chu vi của hình vuông có độ dài cạnh 6 cm là:

A. 24 cm B. 36 cm C. 6cm D. 12cm

Câu 18. Hai đường chéo của hình thoi bất kì có đặc điểm gì?

A. Vuông góc **B.** Song song **C.** Trùng nhau **D.** Bằng nhau

II. Tự luận

Dạng 1. Viết tập hợp

Bài 1. Viết các tập hợp sau bằng 2 cách

a) Tập hợp các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 20.

b) Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 100.

c) Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 23 và nhỏ hơn hoặc bằng 40

Bài 2. Cho các tập hợp: $A = \{1;2;3;4;5;6\}$; $B = \{1;3;5;7;9\}$

a) Viết tập hợp C các phần tử thuộc A và không thuộc B.

b) Viết tập hợp D các phần tử thuộc B và không thuộc A.

c) Viết tập hợp E các phần tử vừa thuộc A vừa thuộc B.

Dạng 2: Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính:

$a) 8.5^2 - 189 : 3^2$

b) $200 : \left[117 - (23 - 6)\right]$

c) $2020 - \left[45 - (6-1)^2\right] + 2019^0$

d) $476 - \left\{5.\left[409 - (8.3 - 21)^2\right] - 1724\right\}$

Bài 2. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lý (nếu có)

$a) 29 + 132 + 237 + 868 + 763$

$b) 652 + 327 + 148 + 15 + 73$

$c) 8.17.125$

$d) 4.37.25$

Bài 3. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lý (nếu có)

$a) 26.17 + 83.26 - 40$

$b)\ 6^2.25 + 6^2.75 - 200$

$c) 35.48 + 65.68 + 20.35$

$d) 2018^0 - \left\{15^2 : \left[175 + \left(2^3.5^2 - 6.25\right)\right]\right\}$

$e) 12 + 15 + 18 + \ldots + 90$

$g) 8 + 12 + 16 + \ldots + 100$

Bài 4. Một phòng chiếu phim có 21 hàng ghế, mỗi hàng có 21 ghế. Giá mỗi vé xem phim là 50.000đ.
a. Tối thứ 7, tất cả các vé đều bán hết. Hỏi số tiền bán vé thu được là bao nhiêu?
b. Tối thứ 6, số tiền bán vé thu được là 16 400 000 đồng. Hỏi còn bao nhiêu vé không bán được?
c. Chủ nhật còn 43 vé không bán được. Hỏi số tiền bán vé thu được là bao nhiêu?

Dạng 3. Tìm x biết

Bài 1. Tìm số tự nhiên x biết

a) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$ *b*) $\left(3x - 2^4\right).7^3 = 2.7^4$ *c*) $\left[3(42 - x) + 15\right] : 5 = 2^3.3$

d) $24 \vdots x$ *và* $x \geq 6$ *e*) $x \vdots 12$ *và* $x < 60$

Bài 3 .Tìm số tự nhiên x biết

a) $120 - (x + 55) = 60$ b) $(7x-11)^3 = 2^5.5^2 + 200$ *c*) $10 + 2x = 4^9 : 4^7$

d) $70 - 5(x - 3) = 45$ *e*) $2^x + 2^{x+4} = 544$ *g*) $(4x - 11)^6 = 25^3$

Dạng 4. Tính chất chia hết

Bài 1. Điền chữ số vào a để được số $\overline{35a}$

a) Chia hết cho 2 b) Chia hết cho 3 c) Chia hết cho 5 d) Chia hết cho 9

Bài 2. Gọi P là tập hợp các số nguyên tố . Điền kí hiệu $\in$ và $\notin$ vào ô vuông :

a) $747 \square P$; $235 \square P$; $97 \square P$ *b*) $835.123 + 318 \square P$ *c*) $5.7.11 + 13.17 \square P$

Bài 3. Một lớp học có 24 HS nam và 18 HS nữ. Có bao nhiêu cách chia tổ sao cho số nam và số nữ được chia đều vào các tổ?

Dạng 6: Các bài tập hình học

Bài 1. Một tấm vải hình chữ nhật có chiều dài 1m và chiều rộng là 36cm. Diện tích của tấm vải hình chữ nhật theo đơn vị xăng ti mét vuông là?

Bài 2. Tìm chiều dài của hình chữ nhật biết chiều rộng của hình chữ nhật là 15cm và diện tích bằng 390cm²

Bài 3. Tính diện tích của hình thang cho ở hình vẽ

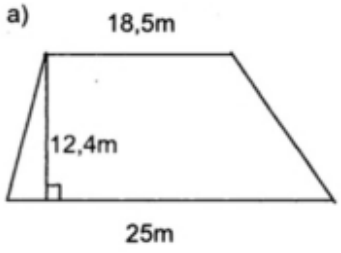

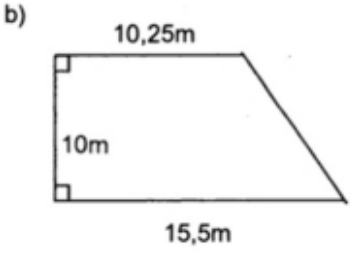

Bài 4. Tính diện tích của hình vuông có độ dài cạnh là 8 dm.

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2022 – 2023

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 6

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Nắm được đặc trưng của VB truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, thơ, thơ lục bát.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: Truyện (Truyền thuyết và Cổ tích)

- Xác định được chủ đề, thể loại, ngôi kể, nhân vật, sự việc, phương thức biểu đạt, ý nghĩa của các chi tiết kì ảo ý nghĩa văn bản, lời người kể chuyện và lời nhân vật...của các truyện dân gian.
- Nêu được cảm nhận về nhân vật, chi tiết.

Bài 2: Thơ (Thơ lục bát)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa…) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ.

II. Phần tiếng Việt

- Cấu tạo từ: từ đơn, từ phức.
- Hiểu được ý nghĩa của từ, cụm từ.
- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

Dạng 2: Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang.

[...]

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên."

(Trích truyện Con Rồng, cháu Tiên)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Thể loại của văn bản trên là

A. cổ tích. B. ngụ ngôn. C. truyền thuyết. D. đồng thoại.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là

A. tự sự. B. biểu cảm. C. nghị luận. D. thuyết minh.

Câu 3: Truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên được kể ở ngôi

A. thứ nhất. B. thứ hai. C. thứ ba. D. thứ tư.

Câu 4: Các từ ghép có trong câu: "Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở." là

A. trồng trọt, chăn nuôi. B. cách ăn, dạy dân.

C. chăn nuôi, ăn ở. D. trồng trọt, ăn ở.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 5: Tìm trạng ngữ có trong câu văn sau và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ đó

"Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.

Câu 6: Tìm những chi tiết kì ảo, đăc sắc nói về nguồn gốc, hình dạng của Lạc Long Quân và Âu cơ có trong đoạn trích trên. Theo em, những chi tiết kì ảo ấy có ý nghĩa thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản?

Câu 7. Truyền thuyết con Rồng Cháu Tiên đã lí giải và ca ngợi nguồn gốc cao quý của con người Việt Nam. Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý ấy của người Việt trong thời đại ngày nay?

ĐỀ 2

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Ngày xưa, có hai vợ chồng một lão nông nghèo đi ở cho nhà một phú ông. Họ hiền lành, chăm chỉ nhưng đã ngoài năm mươi tuổi mà chưa có lấy một mụn con.

Một hôm, người vợ vào rừng lấy củi. Trời nắng to, khát nước quá, thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bèn bưng lên uống. Thế rồi, về nhà, bà có mang.

Ít lâu sau, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa con không có chân tay, mình mẩy, cứ tròn lông lốc như một quả dừa. Bà buồn, toan vứt nó đi thì đứa bé lên tiếng bảo.

- *Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp. Bà lão thương tình để lại nuôi rồi đặt tên cho cậu là Sọ Dừa.*

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn thế, cứ lăn lông lốc chẳng làm được việc gì. Bà mẹ lấy làm phiền lòng lắm. Sọ Dừa biết vậy bèn xin mẹ đến chăn bò cho nhà phú ông. Nghe nói đến Sọ Dừa, phú ông ngần ngại. Nhưng nghĩ: nuôi nó thì ít tốn cơm, công sá lại chẳng đáng là bao, phú ông đồng ý. Chẳng ngờ cậu chăn bò rất giỏi. Ngày ngày, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về nhà. Cả đàn bò, con nào con nấy cứ no căng. Phú ông lấy làm mừng lắm!

Vào ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm hết cả, phú ông bèn sai ba cô con gái thay phiên nhau đem cơm cho Sọ Dừa. Trong những lần như thế, hai cô chị kiêu kì, ác nghiệt thường hắt hủi Sọ Dừa, chỉ có cô em vốn tính thương người là đối đãi với Sọ Dừa tử tế.

Một hôm đến phiên cô út mang cơm cho Sọ Dừa. Mới đến chân núi, cô bỗng nghe thấy tiếng sáo véo von. Rón rén bước lên cô nhìn thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đang ngồi trên chiếc võng đào thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Thế nhưng vừa mới đứng lên, tất cả đã biến mất tăm, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như vậy, cô út biết Sọ Dừa không phải người thường, bèn đem lòng yêu quý.

Đến cuối mùa ở thuê, Sọ Dừa về nhà giục mẹ đến hỏi con gái phú ông về làm vợ. Bà lão thấy vậy tỏ ra vô cùng sửng sốt, nhưng thấy con năn nỉ mãi, bà cũng chiều lòng.

Thấy mẹ Sọ Dừa mang cau đến dạm, phú ông cười mỉa mai:

- *Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây.*

Bà lão đành ra về, nghĩ là phải thôi hẳn việc lấy vợ cho con. Chẳng ngờ, đúng ngày hẹn, bỗng dưng trong nhà có đầy đủ mọi sính lễ, lại có cả gia nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà của phú ông. Phú ông hoa cả mắt lúng túng gọi ba cô con gái ra hỏi ý. Hai cô chị bĩu môi chê bai Sọ Dừa xấu xí rồi ngúng nguẩy đi vào, chỉ có cô út là cúi đầu e lệ tỏ ý bằng lòng.

Trong ngày cưới, Sọ Dừa cho bày cỗ thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Lúc rước dâu, chẳng ai thấy Sọ Dừa trọc lốc, xấu xí đâu chỉ thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đứng bên cô út.

Từ ngày ấy, hai vợ chồng Sọ Dừa sống với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra rất thông minh. Chàng ngày đêm miệt mài đèn sách và quả nhiên năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Thế nhưng cũng lại chẳng bao lâu sau, Sọ Dừa được vua sai đi sứ. Trước khi đi, chàng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà nói là để hộ thân.

Từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà Trạng. Nhân quan trạng đi vắng, hai chị sang rủ cô út chèo thuyền ra biển rồi cứ thế lừa đẩy cô em xuống nước. Cô út bị cá kình nuốt chửng, nhưng may có con dao mà thoát chết. Cô dạt vào một hòn đảo, lấy dao khoét bụng cá chui ra, đánh đá lấy lửa nướng thịt cá ăn. Sống được ít ngày trên đảo, hai quả trứng gà cũng kịp nở thành một đôi gà đẹp để làm bạn cùng cô út. Một hôm có chiếc thuyền đi qua đảo, con gà trống nhìn thấy bèn gáy to: "ò… ó… o. Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về".

Quan cho thuyền vào xem, chẳng ngờ đó chính là vợ mình. Hai vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Đưa vợ về nhà, quan trạng mở tiệc mừng mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong nhà không cho ai biết. Hai cô chị thấy thế khấp khởi mừng thầm, tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì, tiệc xong mới cho gọi vợ ra. Hai cô chị nhìn thấy cô em thì xấu hổ quá, lén bỏ ra về rồi từ đó bỏ đi biệt xứ."

(Trích Kho tàng truyện Việt Nam)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Văn bản "Sọ Dừa" thuộc thể loại

A. cổ tích. B. ngụ ngôn. C. truyền thuyết. D. đồng thoại.

Câu 2: Căn cứ vào yếu tố để phân biệt lời người kể chuyện, lời nhân vật trong văn bản "Sọ Dừa" là

A. lời nhân vật thường đi kèm lời dẫn của người kể chuyện, lời dẫn được kết thúc bằng dấu hai chấm, sau đó xuống dòng, gạch đầu dòng rồi mới xuất hiện lời của nhân vật.

B. lời người kể chuyện kết thúc bằng dấu chấm, sau đó xuống dòng gạch đầu dòng và xuất hiện lời nói.

C. lời nhân vật thường đi kèm lời dẫn của người kể chuyện, lời dẫn được kết thúc bằng dấu chấm phẩy, sau đó xuống dòng gạch đầu dòng.

D. lời nhân vật thường đi kèm lời dẫn của người kể chuyện, lời dẫn được kết thúc bằng dấu phẩy, sau đó xuống dòng, gạch đầu dòng rồi mới xuất hiện lời của nhân vật.

Câu 3: Chi tiết kì ảo gắn với nhân vật Sọ Dừa là

A. bà lão đành ra về, nghĩ là phải thôi hẳn việc lấy vợ cho con.

B. từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà Trạng.

C. bà mẹ do uống nước mưa trong cái sọ dừa mà có mang, đẻ ra cục thịt đỏ hỏn, chỉ có mắt mũi, không có mình mẩy, tay chân.

D. đưa vợ về nhà, quan trạng mở tiệc mừng mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong nhà không cho ai biết.

Câu 4: Cụm từ "dị hình dị dạng" được định nghĩa là

A. hình dạng khác biệt, không bình thường.
B. hình dáng kinh dị.
C. hình dáng to khỏe.
D. hình dáng nhỏ nhắn.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 5: Phân loại các nhân vật trong truyện "Sọ Dừa" theo tiêu chí tốt, xấu. Nêu một số biểu hiện tốt, xấu của 01 nhân vật do em chọn.

Câu 6: Cách kết thúc của truyện (chú ý 4 câu văn cuối cùng) gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 7: Trong câu *"Từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà Trạng."* có thể thay từ "ghen ghét" bằng từ nào khác mà ý nghĩa câu văn không thay đổi?

Câu 8: Nêu thông điệp, bài học mà em rút ra được từ văn bản "Sọ Dừa".

ĐỀ 3

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

"Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời".

(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo Thơ chọn với lời bình)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ

A. thất ngôn tứ tuyệt. B. năm chữ. C. lục bát. D. song thất lục bát.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là

A. tự sự. B. biểu cảm. C. nghị luận. D. thuyết minh.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là

A. bố. B. mẹ. C. con. D. cô giáo.

Câu 3: Trong bài thơ, những âm thanh nào được nhắc đến là

A. tiếng ve, tiếng ru, tiếng võng, tiếng gió.
B. tiếng ve, tiếng hát, tiếng ru, tiếng gió.
C. tiếng ve, tiếng ru, tiếng gió, tiếng chim.
D. tiếng ve, tiếng đàn, tiếng ru, tiếng gió.

Câu 4: Biện pháp tu từ trong câu thơ: *"Mẹ là ngọn gió của con suốt đời"* là

A. nhân hóa. B. ẩn dụ. C. điệp ngữ. D. so sánh.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 5: Em hãy chỉ ra cách gieo vần, nhịp điệu ở bốn câu thơ sau:

"Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru".

Câu 6: Ngoài bài thơ trên, em đã từng đọc những câu ca dao, câu thơ nào về mẹ? Hãy ghi lại một số câu thơ mà em yêu thích nói về người mẹ.

Câu 7: Tác giả đã nhắn gửi thông điệp gì qua đoạn thơ trên?

Câu 8: Hãy nêu ý nghĩa lời ru trong đời sống tâm hồn của mỗi người.

ĐỀ 4

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

"Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Cơn mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củi mùn thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sớm lại chiều no bữa
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà."

(*Tác giả:* Đặng Hiển – Nguồn Internet)

Câu 1: Bài thơ trên thuộc thể thơ
A. lục bát. B. thất ngôn bát cú. C. thơ tự do. D. thơ năm chữ.

Câu 2: Bài thơ là lời tâm sự của
A. mẹ. B. bố. C. con D. cô

Câu 3: Bài thơ viết về chủ đề
A. tình cảm quê hương, đất nước. B. tình cảm gia đình.
C. tình thầy trò. D. tình bạn.

Câu 4: Ba bố con lại "thao thức" vì
A**.** suy nghĩ, trằn trọc. B**.** chờ đợi, háo hức.
C. lo lắng, nhớ mẹ. D. hồi hộp, sợ hãi.

Câu 5: Khi mẹ vắng nhà, bố đã
A. đi chợ, nấu ăn. B. chở các con đến trường.
C. che chắn nhà cửa. D. hái lá cho thỏ ăn.

Câu 6: Trong suy nghĩ của con, người mẹ ở quê có tâm trạng là
A. buồn phiền khi hai chị em không biết nhường nhịn nhau.
B. lo lắng vì con không thể đến trường.
C. lo lắng vì ba bố con không biết nấu ăn.
D. thương ba bố con và không ngủ được.

Câu 7: Cách gieo vần ở khổ thơ 1 trong bài thơ trên là
A. vần lưng. B. vần chân.
C. vần liền. D. vần cách.

Câu 8: Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ

Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

A. ẩn dụ. B. hoán dụ

C. so sánh. D. nhân hoá.

Câu 9: Nếu ở trong hoàn cảnh của bài thơ trên thì em sẽ làm gì để giúp đỡ gia đình khi mẹ vắng nhà?.

Câu 10: Từ nội dung bài thơ trên, em có suy nghĩ gì về vai trò của người mẹ trong gia đình?

DẠNG 2: VIẾT

Đề 1: *Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.*

Đề 2: *Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích.*

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM
Name:……..…Class: 6….

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I
MÔN: TIẾNG ANH– LỚP 6
NĂM HỌC: 2022- 2023

A. TOPICS: From unit 1 to unit 3

B. VOCABULARY

- Unit 1: My new school
- Unit 2: My house
- Unit 3: My friends

C. PRONUNCIATION

- Sounds: /ɑː/ and /ʌ/;
- Final sounds: /s/ and /z/
- Sounds: /b/ and /p/

D. GRAMMAR:

1. Present simple:

1.1 Cách chia động từ "to be" ở thì hiện tại đơn như sau:

Thể	Chủ ngữ	To be	V
Khẳng định	I	Am	I am a pupil.
	He/She/lt/danh từ số ít	Is	She is a girl. He is a pupil.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	Are	They are boys. We are pupils.
Phủ định	I	am not	I am not a boy.
	He/She/lt/danh từ số ít	is not	She is not a pupil. He is not a girl.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	are not	They are not girls. We are not pupils.
Nghi vấn	Am	I + ...?	Am I a pupil?
	Is	he/she/it/danh từ số ít +...?	Is she a boy? Is he a pupil?
	Are	you/we/they/danh từ số nhiều +...?	Are they pupils? Are we boys?

1.2. Cách chia động từ thường ở thì hiện tại đơn như sau:

Thể	Chủ ngữ	Động từ (V)	Ví dụ
Khẳng định	He/She/lt/ danh từ số ít	V + s/es	She likes book. He washes his face.
	l/You/We/They/ danh từ số nhiều	V (nguyên thể)	They like book. I wash my face.
Phủ định	He/She/lt/ danh từ số ít	does not (doesn't) + V (nguyên thể)	She doesn't like book. He doesn't wash his face.
	l/You/We/They/ danh từ số nhiều	do not (don't) + V (nguyên thể)	They don't like book. I don't wash my face.
Nghi vấn	Does + he/she/it/ danh từ số ít...	V (nguyên thể)...?	Does she like book?
	Do + l/you/we/they/ danh từ số nhiều	V (nguyên thể)...?	Do they like book? Do I wash my face?

1.3. Cách dùng thì hiện tại đơn:

- Thói quen hằng ngày.

VD: They drive to the office every day. (Hằng ngày họ lái xe đi làm.)

- **Sự việc hay sự thật hiển nhiên.**

VD: We have two children. (Chúng tôi có 2 đứa con.)

- **Sự việc sẽ xảy ra trong tương lai theo thời gian biểu hay lịch trình.**

VD: Christmas Day falls on a Monday this year. (Năm nay Giáng sinh rơi vào ngày thứ Hai.)

4. Dấu hiệu nhận biết:

- Nhóm trạng từ đứng ở trong câu:

Always (luôn luôn) usually (thường xuyên), often (thường), sometimes (thỉnh thoảng), rarely (hiếm khi), seldom (hiếm khi), frequently (thường xuyên), hardly (hiếm khi), never (không bao giờ), regularly (thường xuyên)…

- Các trạng từ này thường đứng trước động từ thường, đứng sau động từ "tobe" và trợ động từ

Ví dụ: He rarely goes to school by bus

- Nhóm trạng từ đứng ở cuối câu:

Every day/ week/ month/ year (hàng ngày/ hàng tuần/ hàng tháng/ hàng năm)

Once (một lần), twice (hai lần), three times (ba lần), four times (bốn lần)…

2. Adverbs of frequency:

- Trạng ngữ chỉ tần suất được dùng khi muốn biểu đạt hay mô tả về mức độ thường xuyên của một hành động nào đó:

Always, usually, sometimes, never, occasionally, rarely, seldom, frequently, often, regularly, hardly ever.

- Vị trí của trạng ngữ chỉ tần suất:

+ Trước động từ thường:

My boyfriend sometimes writes to me.

+ Sau động từ "to be":

She is always very happy.

+ Sau trợ động từ:

He doesn't usually play football.

3. Present contiuous:

3.1. Cấu trúc:

Thể	Chủ ngữ (S)	Động từ (V)	Ví dụ
Khẳng định	I	am + V-ing	I am learning English.
	He/She/It/danh từ số ít	is + v-ing	She is learning English. He is learning English.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	are + V-ing	They are learning English. We are learning English.
Phủ định	I	am not + V-ing	I am not learning English.
	He/She/It/danh từ số ít	is not + v-ing	She is not learning English. He is not learning English.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	are not + V-ing	They are not learning English. We are not learning English.
Nghi vấn	Am I	+ v-ing...?	Am I learning English?
	Is he/she/it/danh từ số ít	+ V-ing...?	Is she learning English? Is he learning English?
	Are you/we/they/danh từ số nhiều	+ V-ing...?	Are they learning English? Are we learning English?

3.2. Cách dùng:

- **Diễn đạt một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.**

VD: I am eating my lunch right now.

- **Diễn tả một hành động hoặc một sự việc nói chung đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải thực sự diễn ra ngay lúc nói.**

VD: I'm quite busy these days. I'm doing my assignment. (Dạo này tôi khá là bận. Tôi đang làm luận án)

- **Diễn đạt một hành động sắp xảy ra trong tương lai gần. Thường diễn tả một kế hoạch đã lên lịch sẵn**

VD: I am flying to London tomorrow. (Tôi sẽ bay sang Luân Đôn sáng ngày mai)

- **Hành động thường xuyên lặp đi lặp lại gây sự bực mình, khó chịu cho người nói. Cách dùng này được dùng với trạng từ "always"**

VD: He is always losing his keys. (Anh ấy cứ hay đánh mất chìa khóa)

3.3. Dấu hiệu nhận biết:

- Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian:

now (bây giờ), right now (ngay bây giờ), at the moment (lúc này), at present (hiện tại), at this time (bây giờ), at + giờ cụ thể (at 12 o'clock)

- Trong câu có các từ như: Look! (nhìn kìa), Listen (hãy nghe này), Keep silent! (Trật tự), Be careful! (Cẩn thận), Hurry up! (Hãy nhanh lên)…

3.4. Các quy tắc thêm –ing vào sau động từ:

Các quy tắc	Ví dụ	
Động từ kết thúc bởi "e", ta bỏ "e" thêm "ing"	Have- having	Make- making
	Write – writing	Come- coming
Động từ kết thúc bởi "ee", ta thêm "ing" mà không bỏ "e"	See- seeing	Agree – agreeing
Động từ kết thúc bởi "ie", ta đổi "ie" thành "y" rồi thêm đuôi "ing"	Lie – lying	Die- dying
	Run- running	Stop – stopping

Động từ kết thúc bởi 1 nguyên âm (u,e,o,a,i) + 1 phụ âm, ta gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm –ing.	Get - getting	Travel – travelling

4. Sở hữu cách – Possessive Case

4.1. Định nghĩa:

Sở hữu cách (possessive case) là một hình thức chỉ quyền sở hữu của một người đối với một người hay một vật khác để từ đó làm rõ thêm cho đối tượng đang được nhắc đến.

4.2. Công thức:

Người làm chủ + 'S + vật/ người thuộc quyền sở hữu

Ví dụ:

Lan's house: nhà của Lan.

Lan's father: bố của Lan.

4.3. Cách viết sở hữu cách (Possessive case):

- Thêm 's vào sau danh từ số ít.

Ví dụ:Ben's pen is so sharp. (Cây bút của Ben rất bén.)

- Thêm 's vào danh từ số ít nhưng có s cuối mỗi từ (như tên riêng, hoặc danh từ có s sẵn).

Ví dụ:Doris's coat (áo khoác của Doris)

My boss's wife (vợ của sếp tôi)

- Thêm 's vào danh từ số nhiều không có s

Ví dụ:Children's clothes (áo quần của trẻ em).

- Chỉ thêm dấu phẩy, không thêm s đối với danh từ là số nhiều có s

Ví dụ:Books' cover (Bìa của những quyển sách).

- Khi muốn nói nhiều người cùng sở hữu một vật hay nói cách khác là có nhiều danh từ sở hữu thì ta chỉ thêm kí hiệu sở hữu vào danh từ cuối.

Ví dụ:Lan and Hoa's glasses are so expensive. (Kính của Lan và Hoa rất đắt.)

- <u>Tuy nhiên</u>: nếu hàm ý là Lan và Hoa mỗi người sở hữu một cặp mắt kính thì ta sẽ viết:

Lan's and Hoa's glasses are so expensive.

E. EXERCISES:

I. Choose the word whose underlined part differs from the others in pronunciation in each of the following questions.

1.	A. st<u>u</u>dy	B. l<u>u</u>nch	C. s<u>u</u>bject	D. comp<u>u</u>ter
2.	A. c<u>a</u>lculator	B. p<u>a</u>rking lot	C. g<u>a</u>rden	D. f<u>a</u>ther
3.	A. sm<u>a</u>rt	B. sh<u>a</u>rpener	C. gr<u>a</u>mmar	D. st<u>a</u>r
4.	A. c<u>o</u>mpass	B. h<u>o</u>mework	C. s<u>o</u>meone	D. w<u>o</u>nderful
5.	A. f<u>u</u>n	B. st<u>u</u>dent	C. st<u>u</u>dio	D. st<u>u</u>pid
6.	A. cat<u>s</u>	B. lamp<u>s</u>	C. cupboard<u>s</u>	D. clock<u>s</u>
7.	A. cooker<u>s</u>	B. month<u>s</u>	C. poster<u>s</u>	D. table<u>s</u>
8.	A. light<u>s</u>	B. armchair<u>s</u>	C. sofa<u>s</u>	D. picture<u>s</u>
9.	A. garden<u>s</u>	B. sink<u>s</u>	C. stove<u>s</u>	D. drawer<u>s</u>
10.	A. photograph<u>s</u>	B. flat<u>s</u>	C. aunt<u>s</u>	D. school<u>s</u>

II. Choose the word that differs from the others in the position of primary stress in each of the following questions.

1. A. classmate	B. compass	C. enjoy	D. ruler
2. A. equipment	B. rubber	C. excited	D. activity
3. A. aerobics	B. textbook	C. notebook	D. library

4. A. return B. expensive C. exercise D. piano
5. A. kitchen B. bedroom C. cupboard D. apartment
6. A. computer B. behind C. between D. window
7. A. cooker B. beside C. bathroom D. pillow
8. A. tomato B. funny C. active D. careful
9. A. machine B. clever C. museum D. eraser

III. Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of following the questions.

1. James is _____ judo in the playground with his friends and he is very excited.
A. do B. doing C. does D. is doing
2. He usually _____ a taxi to the railway station.
A. taking B. take C. takes D. does take
3. She _____ like playing tennis.
A. doesn't B. don't C. isn't D. aren't
4. Some teachers _____ much homework.
A. is give B. gives C. are give D. give
5. My brother _____ badminton in the evening
A. don't play B. doesn't play C. isn't play D. aren't play
6. Look! These birds _____ on the tree over there.
A. sings B. sing C. is singing D. are singing
7. My father _____ coffee in the living room now.
A. drinks B. drink C. is drinking D. are drinking
8. Nam and Minh _____soccer in the yard at the moment.
A. aren't playing B. playing C. isn't playing D. plays
9. What time _____ every morning?
A. do Mai gets up B. does Mai gets up C. does Mai get up D. does get Mai up
10. Phong is wearing a school _____.
A. shoes B. uniform C. bag D. hats
11. Students live and study in a/an _____ school. They only go home at weekends..
A. international B. small C. boarding D. overseas
12. My best friend _____ a round face and big eyes.
A. have B. gets C.is D. has
13. I sit _____ Sarah at school.
A. on B. next to C. between D. in
14. Our family stays _____ a stilt house.
A. in B. on C. in front of D. at
15. Don't stand _____ the TV I'm trying to watch this programme.
A. behind B. next to C. under D. in front of
16. We are excited _____ the first day of school.
A. at B. about C. with D. in
17. My mother is in the _____ baking a cake for my birthday.
A. bathroom B. dinning room C. kitchen D. bedroom
18. Please turn the _____ on. It's so hot in here.
A.fan B. light C. television D. faucet
19. My room is so _____! Dirty clothes, toys, books are all over the floor!
A. messy B. crazy C. tidy D. cozy
20. She is always _____ at school, and helps other students with their homework.
A. hard B. hardly C. hard-working D. work hard
21. Daisy is very _____ to take the test. She is a very good student.
A. kind B. confident C. friendly D. talkative

22. My close friend, Mai, has a _____ face and _____ hair.
A. big - black B. small - short C. round - black D. short - long
23. It is called the Tiger room _____ there is a big tiger on the wall.
A. because B. so C. but D. like

IV. Mark the letter A, B, C, D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

1. The school is finishing at three thirty in the afternoon.
2. Mai can't answer the phone because she takes a shower at the moment.
3. My brother and I always rides the bicycles to school from Monday to Saturday.
4. My Dad is reading two books every week.
5. Donata is very rude. She has a lot of friends.
6. Tom sits on Lucy and James in his class.
7. Peter usually doesn't get up before seven.
8. My brother is late never for school.
8. How often does you go to the cinema?
9. Jerry always buy flowers at weekends.
10. Elena's room is in the second floor.
11. This dollhouse is my daughter toy.

V. Choose the best response, A, B or C, to complete these short dialogues.

1. "How's it going?" "- _____"
A. To the cinema. B. I'm fine, thanks. C. See you later.
2. "My name's Daniel." "- _____"
A. Pleased to meet you. B. Happy to see you. C. Nice to hear you.
3. "How much is that?" "- _____"
A. It's at 4 o'clock. B. It's in the fridge. C. It's 90.000 VND.
4. "Has Jenifer got a nice personality?" "- _____"
A. Yes, she's got blonde hair. B. Yes, she's very pretty. C. Yes, she's very friendly.
5. "How many chairs are there?" "- _____"
A. There isn't much. B. There aren't any. C. There is a lot.
6. "Can you give me a hand?" "- _____"
A. Sure B. No, thanks. C. I'm hungry.
7. 'How is your first day at school?'
A. By bicycle. B. Five days a week.
C. That sounds great. D. Really exciting.
8. 'Would you like to go for a drink?' '_____'
A. Yes, I'd live to B. No, I wouldn't.
C. Not at all. D. Oh sorry
9. Marco, would you please erase the blackboard for me?
A. Never mind B. Yes, of course, teacher.
C. You're quite right D Yes, I do

VI. Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Their ***funny*** stories make us laugh a lot.
A. amusing B. lovely C. cute D. reliable
2. We ***organize*** expensive furniture carefully.
A. act B. show C. watch D. arrange
3. Nam is very ***smart*****.** He always answers the teacher's question well.
A. bad B. clever C. lazy D. hardworking
4. Hoa is a good friend. She always ***shares*** things with her classmate.

A. takes B. listens C. gives D. wants

5. It is ***foolish*** of him to go out alone at midnight.

A. smart B. handsome C. stupid D. normal

VII. Choose the word of phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

1. He is so ***generous*** that he often pays for our drink.

A. mean B. kind C. nice D. reliable

2. Doing morning exercises is an (a) ***exciting*** activity for students.

A. happy B. boring C. hard D. interesting

3. Our teacher ***remembers*** all of my classmates' birthday.

A. gives B. has C. asks D. forgets

4. The room is very ***untidy,*** so I have to clean it up.

A. messy B. clean C. crazy D. interesting

5. ***In front of*** my school, there is a big park, so we can go for a walk after school.

A. In the middle of B. Behind C. Under D. Between

VIII. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

My dream school is a quiet school (1) _____ we have just two or three hours a day, in the morning. Then, in the afternoon, we can do many (2) _____ like singing,dancing, playing soccer, basketball, rugby. We won't have tests and mark either. The teachers will not (3) _____ homework, so we can do whatever we want after school. In my dream school, we can also choose the (4) _____ we want: for example, you're not going to learn mathematics or physics if you hate (5)_____. So it's a free school where you can learn with calm and serenity and you can make (6) _____ friends during afternoon activities!

1. A. what B. where C. when D. how
2. A. subjects B. actions C. activities D. acts
3. A. give B. take C. do D. get
4. A. class B. classrooms C. classmates D. classes
5. A. it B. them C. her D. him
6. A. much B. few C. any D. lots of

IX. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

Wickedly Wonderful is a small summer (1) _____ in the UK for children aged 6 to 13 years old. The children (2) _____ a week outdoors at the camp, making new friends andlearning new activities (3) _____ having a lot of fun. (4) _____ the summer camp, they sail, horse ride, kayak, enjoy games on the beach and the beach (5)_____, swim, surf, go crabbing and ride bikes. Children will enjoy holidays with Wickedly Wonderful, and (6) _____ are holidays that they will remember forever!

1. A. term A.course C.camp D. holiday
2. A. take B.spend C.use D. pass
3. A. which B.what C.where D. while
4. A. At B. In C.On D. During
5. A. firingcamp B. campfire C.firecamp D.firingcamp
6. A. this B.that C.these D. those

X. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

The Vietnamese students take part in different after - school activities. Some students play sports. They often play soccer, table tennis or badminton. Sometimes they go swimming in the swimming pools. Some students like music, drama and movies. They often practice playing musical instrument in the school music room. They join in the school theater group and usually rehearse plays. Some are members of the stamp

collector's club. They often get together and talk about their stamps. A few students stay at home and play video games or computer games. Most of them enjoy their activities after school hours.

1. Which sports do some students often play?

A. music, drama, movies and soccer
B. soccer, table tennis, badminton and music
C. soccer, table tennis, badminton and swimming
D. video games, table tennies, drama, music

2. How often do they go swimming?

A. usually B. sometimes C. always D. rarely

3. Where do some students often practice playing musical instruments?

A. At home B. At a stamp club C. in the swimming pool D. in the school music room

4. How many students stay at home and play video games or computer games?

A. A little B. A few C. A lots D. Many

5. What do the members of the stamp collector's club often do?

A. They discuss their stamps with other members
B. They talk about video games and computer games.
C. They discuss movies with other members.
D. They talk about music and drama.

XI. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

My dream house is a small one not far from the sea. On the ground-floor, it has four rooms. The first room is my living-room, with a white sofa, a black armchair and a coffee table. There is a lamp, a French window with view of the garden, a television set and a phone. There is a modern kitchen, with a fridge, and a door to the garden. There is in bathroom with a shower and a toilet. And there is a study-room with a desk and my computer. On the first floor, there is only my bedroom. It has a wardrobe, a bed and a television set. There is a balcony with a view of the sea. The walls of my house are white because they make the house *pure*. My house is really beautiful.

1. What is the topic of the passage?

A. My favorite room of the house B. My dream house
C. My favorite place D. My favorite bedroom

2. How many rooms are there in the house?

A. 5 B. 4 C. 6 D. 3

3. There is a computer in the _____.

A. living room B. bedroom C. study room D. hall

4. The balcony is on the _____ floor.

A. ground B. first C. second D. third

5. The word "pure" in the last line is best replaced by _____.

A. clean B. messy C. active D. attractive

XII. Rewrite the sentences as directed.

Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

1. This year my school has 20 classes.

→ There are ……...

2. When you are tired, you should take a rest.

→ You had better ……

3. My favorite room is the kitchen.

→ I like ……

4. Lan's eyes are big and black.

→ Lan ……..

5. John has a sister, Jane.
→ Jane .....
6. The house is behind the trees.
→ There are …….....

XIII. Make sentences, using the words and phrases below

1. **I/play/tennis/my friends/the moment.**
   ……
2. **Lan/ usually/ do/ homework/ school library.**
   .....
3. **Ann/ usually/ surf/ Net / evening.**
   ……
4. **there/ flowers/ in the garden?**
   ……
5. **She/ walk/ school/ every morning.**
   ……

PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KÌ I
MÔN CÔNG NGHỆ 6
Năm học 2022 - 2023

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 3 bài:

Bài 1. Nhà ở đối với con người

Bài 2. Xây dựng nhà ở

Bài 3. Ngôi nhà thông minh

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ tiếp khách và các thành viên trong gia đình trò chuyện?

A. Khu vực sinh hoạt chung**.** **B**. Khu vực thờ cúng.

C. Khu vực ăn uống. **D**. Khu vực nghỉ ngơi.

Câu 2: Kiến trúc nhà ở đặc trưng cho các khu vực thành thị, có mật độ dân cư cao là gì?

A. Nhà ba gian. **B**. Nhà nổi.

C. Nhà chung cư. **D**. Nhà sàn.

Câu 3: Vật liệu có sẵn trong tự nhiên là:

A. xi măng, đá, cát. **B**. cát, đá, tre.

C. sắt, tre, xi măng. **D**. ngói, tôn, tre.

Câu 4: Có bao nhiêu bước chính để xây dựng một ngôi nhà?

A. 1. **B**. 2 . **C**. 3. **D**. 4.

Câu 5: "Tận dụng tối đa năng lượng từ gió tự nhiên và ánh sáng mặt trời'' là đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

A.Tính tiện ích.

B.Tính an ninh, an toàn.

C.Tính tiết kiệm năng lượng.

D.Tính an toàn và tiết kiệm năng lượng.

Câu 6: Nhà rông, nhà sàn ở miền núi thuộc kiến trúc nào?

A. Kiểu nhà ở đô thị.

B. Kiểu nhà ở các khu vực đặc thù.

C. Kiểu nhà ở nông thôn .

D. Kiểu nhà liền kề.

Câu 7: Kiểu nhà nào dưới đây được xây dựng trên các cột phía trên mặt đất ?

A. Nhà sàn
B. Nhà nổi
C. Nhà chung cư
D. Nhà mặt phố

Câu 8: Vật liệu xây dựng có vai trò gì?

A. Ảnh hưởng tới tuổi thọ, chất lượng và tính thẩm mĩ của công trình.

B. Ảnh hưởng tới tuổi thọ, giá cả công trình.

C. Ảnh hưởng tới chất lượng, thời gian hoàn thành công trình.

D. Ảnh hưởng tới tính thẩm mĩ, tuổi thọ của công trình.

Câu 9: Sản phẩm được tạo ra bằng cách kết hợp vôi, nước và các chế phẩm nông nghiệp: xơ dừa, vỏ trấu, tre, sợi đay... có thể sử dụng để làm mái, tường và nền nhà, gọi là:

A. Thiết bị đảm bảo an toàn.
B. Bê tông làm từ rác thải.
C. Rác thải công trình.
D. Bê tông làm từ thực vật.

Câu 10: Bước chính giúp hình thành khung cho mỗi ngôi nhà là gì?
A. Chuẩn bị vật liệu, kinh phí.
B. Thi công thô.
C. Thiết kế nhà.
D. Hoàn thiện nội thất, lắp thiết bị điện nước.

Câu 11: Trang trí nội thất, lắp đặt hệ thống điện nước là công việc trong công đoạn nào?

A. Chuẩn bị.
B. Thi công thô.
C. Hoàn thiện.
D. Sửa nhà.

Câu 12: Một ngôi nhà thông minh cần có các đặc điểm gì?

A. Tiện ích, an toàn và đắt.

B. An ninh, an toàn, tiện ích.

C. Tiết kiệm năng lượng, an toàn.

D. Tiện ích, an toàn, tiết kiệm năng lượng .

Câu 13: Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn gồm thiết bị gì?
A. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo.
B. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.
C. Tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.
D. Chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.

Câu 14: Điều hòa, quạt tự động bật lên là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?
A. Hệ thống chiếu sáng thông minh.
B. Hệ thống camera giám sát an ninh
C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 15: Khi nhà có khách nhạc, tivi tự động bật lên là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Hệ thống chiếu sáng thông minh. **B.** Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ **D.** Hệ thống giải trí thông minh

Câu 16: Khói trong nhà bếp bốc lên, ngay lập tức chuông báo động vang lên là thể hiện đặc điểm nào sau đây của ngôi nhà thông minh?

A. Tiện ích. **B.** An ninh, an toàn

C. Tiết kiệm năng lượng. **D.** Thân thiện với môi trường.

Câu 17: Các bước chính xây dựng nhà ở cần tuân theo quy trình sau nào?

A. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện. **B**. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô.

C. Thiết kế, thi công thô, hoàn thiện. **D**. Hoàn thiện, thiết kế, thi công thô.

Câu 18: Nhà ở có vai trò vật chất vì:

A. nhà ở là nơi để mọi người cùng nhau tạo niềm vui, cảm xúc tích cực.

B. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác thân thuộc.

C. nhà ở là nơi để con người nghỉ ngơi, giúp bảo vệ con người trước tác động của thời tiết.

D. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác riêng tư.

Câu 19: Nhà nổi thường có ở khu vực nào?

A. Tây Bắc. **B**. Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. **D**. Trung du Bắc bộ.

Câu 20: Nhà ở có đặc điểm chung là gì?

A. Kiến trúc và màu sắc.

B. Cấu tạo và phân chia các khu vực chức năng.

C. Vật liệu xây dựng và cấu tạo.

D. Kiến trúc và phân chia các khu vực chức năng.

II. Tự luận

Câu 1: Hãy trình bày vai trò của nhà ở. Nhà ở có những đặc điểm chung nào?

Câu 2: Mô tả dưới đây thuộc đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

a, Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sẽ giảm ánh sáng.

b, Màn hình chuông cửa cho biết có khách đang đứng đợi ở cửa ra vào.

c, Hệ thống âm thanh tự động giảm độ lớn khi đêm về khuya.

d, Tự động phun nước tại nơi cần chữa cháy.

Câu 3: Em hãy cho biết ngôi nhà e ở thuộc kiến trúc nhà nào ? Được xây dựng bằng những loại vật liệu nào ?

Câu 4: Em hãy kể tên 3 kiểu kiến trúc đặc trưng của nhà ở Việt Nam. Trình bày những hiểu biết của em về kiểu nhà ở nông thôn?

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
Năm học: 2022 – 2023

I. Nội dung: Ôn nội dung kiến thức các chương:

1. Chương I: Mở đầu về KHTN

- Quy tắc an toàn trong phòng thực hành
- Cách sử dụng, bảo quản kính lúp, kính hiển vi
- Các phép đo: đo thời gian, đo chiều dài,…

2. Chương II: Chất quanh ta

- Sự đa dạng của chất
- Các thể của chất và sự chuyển thể
- Oxygen – Không khí

3. Chương III: Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lượng thực – thực phẩm thông dụng

- Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm

II. Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm – 30% tự luận

III. Các câu hỏi tự luận

Câu 1. Nêu thành phần và vai trò của không khí đối với tự nhiên?

Câu 2. a. Một bình chia độ có GHĐ 100 cm3, bình đó đang đựng 60 cm3. Thả một viên đá vào bình, thì thấy thể tích nước dâng lên 90 cm3. Thể tích của viên đá đó bằng bao nhiêu?

b. Một bình tràn có GHĐ là 100 cm^3, đang đựng sẵn 90 cm^3 nước. Thả một vật rắn không thấm nước vào bình thì thấy thể tích nước tràn ra khỏi bình là 30 cm^3. Thể tích của vật rắn bằng bao nhiêu?

Câu 3. Bản tin dự báo thời tiết nhiệt độ của một số vùng như sau:

- Hà Nội: Nhiệt độ từ 19°C đến 28°C.
- Nghệ An: Nhiệt độ từ 20°C đến 29°C.

Nhiệt độ trên tương ứng với nhiệt độ nào trong nhiệt giai Fahrenheit?

Câu 4. Cho các hình ảnh dưới đây:

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

Hình 5

Hình 6

a) Em hãy chỉ ra từng nguyên nhân cụ thể gây ô nhiễm môi trường không khí thông qua các hình ảnh trên.

b) Em hãy đề xuất một số biện pháp để hạn chế ô nhiễm không khí như các hình ảnh trên.

Câu 5. a. Nêu khái niệm về sự nóng chảy, sự đông đặc, sự bay hơi và sự ngưng tụ.

b. So sánh sự giống và khác nhau giữa sự bay hơi và sự ngưng tụ; sự bay hơi và sự sôi.

c. Viết sơ đồ sự chuyển thể của chất

IV. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:

A. CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHTN

Câu 1: Khoa học tự nhiên <u>không</u> bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

A. Vật lý học.
B. Hóa học và Sinh học.
C. Khoa học Trái Đất và Thiên văn học.
D. Lịch sử loài người.

Câu 2. Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm

A. thị kính, vật kính
B. chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu
C. ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh)
D. đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

Câu 3: Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu
B. Hô hấp nhân tạo.
C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó.
D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

Câu 4: Thang đo nhiệt độ Celsius xác định nhiệt độ của nước đá đang tan và nhiệt độ của hơi nước đang sôi lần lượt là

A. 0^0C và 100^0C
B. 32^0C đến 212^0C
C. 0^0C đến 273^0C
D. 32^0C đến 100^0C

Câu 5: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là gì?

A. Tuần.
B. Ngày.
C. Giây.
D. Giờ.

Câu 6: Kính lúp cầm tay có tác dụng gì khi quan sát các vật nhỏ?

A. Nhìn vật xa hơn.
B. Làm ảnh của vật nhỏ hơn.
C. Phóng to ảnh của một vật.
D. Không thay đổi kích thước của ảnh.

Câu 7: Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường hợp pháp của nước ta là gì?

A. Gam
B. Kilogam
C. Tạ
D. Yến

Câu 8: Theo em, việc ngiên cứu sản xuất vacxin phòng Covid-19 thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Bảo vệ sức khoẻ và cuộc sống của con người.
B. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.
C. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế
D. Bảo vệ môi trường.

Câu 9: Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

A. Kính có độ.
B. Kính lúp cầm tay.
C. Kính hiển vị quang học.
D. Kinh hiển vi hoặc kính lúp đều được.

Câu 10: Chiều dài của chiếc bút chì ở hình vẽ bằng

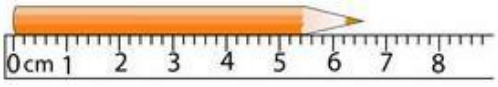

A. 6,6 cm.
B. 6,5 cm.
C. 6,8 cm.
D. 6,4 cm.

B. CHƯƠNG II: CHẤT QUANH TA

Câu 1: Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

A. Tạo thành mây
B. Gió thổi
C. Mưa rơi
D. Lốc xoáy

Câu 2: Một số chất khí có mùi thơm toả ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

A. Dễ dàng nén được.

B. Không có hình dạng xác định.
C. Có thể lan toả trong không gian theo mọi hướng.
D. Không chảy được.

Câu 3: Ví dụ nào thể hiện tính chất hóa học của chất?

A. Đường tan vào nước
B. Kem chảy lỏng khi để ngoài trời
C. Tuyết tan
D. Cơm để lâu bị mốc

Câu 4: Quá trình nào dưới đây không làm giảm oxygen trong không khí?

A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.
B. Sự cháy của than, củi, bếp gas.
C. Sự quang hợp của cây xanh.
D. Sự hô hấp của động vật.

Câu 5: Chất khí nào có nhiều trong không khí gây mưa axit?

A. Oxygen B. Nitrogen C. Cacbondioxit D. Sulfurdioxit

Câu 6: Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

A. thể lỏng sang thể khí.
B. thể khí sang thể lỏng.
C. thể rắn sang thể lỏng.
D. thể lỏng sang thể rắn.

Câu 7: Hiện tượng tự nhiên do hơi nước đông đặc là

A. băng tan. B. sương mù. C. tạo thành mây. D. mưa tuyết.

Câu 8: Thành phần nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. Oxygen. B. Hydrogen. C. Carbon dioxide. D. Nitrogen.

Câu 9: Trong không khí oxygen chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích?

A. 1%. B. 78%. C. 21%. D. 0%.

Câu 10: Điều kiện phát sinh phản ứng cháy là gì?

A. Chất phải nóng đến nhiệt độ cháy.
B. Phải đủ khí oxygen cho sự cháy.
C. Cần phải đến nhiệt độ cháy và có chất xúc tác cho phản ứng cháy.
D. Chất phải nóng lên đến nhiệt độ cháy và đủ khí oxygen cho sự cháy.

C. CHƯƠNG III: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯỢNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG

Câu 1: Thế nào là vật liệu?

A. Vật liệu là một số thức ăn được con người sử dụng hàng ngày.
B. Vật liệu là một chất được dùng trong xây dựng như sắt, cát, xi măng,...
C. Vật liệu là một chất hoặc hỗn hợp một số chất được con người sử dụng như là nguyên liệu đấu vào trong một quá trình sản xuất hoặc chế tạo ra những sản phẩm phục vụ cuộc sống.
D. Vật liệu là gồm nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

Câu 2: Mô hình 3R có nghĩa là gì?

A. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.
B. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.
C. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.
D. Sử dụng vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.

Câu 3: Vật liệu nào sau đây không có thể tái chế?

A. Thủy tinh. B. Ống đồng. C. Xi măng. D. Cao su.

Câu 4: Có nhiều quy định pháp luật được đưa ra về những biện pháp nhằm bảo vệ môi trường. Việc phân loại rác thải cũng là một trong những hành vi giúp xử lý rác và bảo vệ môi trường. Rác thải sinh hoạt được phân thành bao nhiêu loại chính?

A. 3 loại. B. 4 loại. C. 5 loại. D. 6 loại.

Câu 5: Dầu mỏ là một dạng nhiên liệu hóa thạch, dầu được hình thành khi số lượng lớn sinh vật chết, thường là động vật phù du và tảo được chôn dưới đá trầm tích và chịu nhiệt độ lẫn áp suất cao. Nguồn nhiên liệu này

A. tồn tại vô tận trong tự nhiên. B. có thể bị cạn kiệt.

C. được sử dụng vĩnh viễn. D. nhanh chóng được tái sinh

Câu 6: Đâu là nhiên liệu mới thay thế an toàn, thân thiện với môi trường?

A. Dầu diesel. B. Xăng E5. C. Xăng E92. D. Xăng E95.

Câu 7: Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hoá thạch?

A. Than đá. B. Dầu mỏ. C. Khí tự nhiên. D. Biogas.

Câu 8: Vì sao không đun bếp than trong phòng kín?

A. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

B. Vì than cháy tỏa nhiều khí CO, CO_2 có thể gây tử vong nếu ngửi quá nhiều trong phòng kín.

C. Vì than không cháy được trong phòng kín.

D. Vì giá thành than khá cao và khó tìm.

Câu 9: Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào sau đây?

A. Tuỳ nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.

B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.

C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.

D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

Câu 10: Nhiên liệu sinh học

A. là nguồn nhiên liệu không tái tạo.

B. là các sản phẩm không thân thiện với môi trường.

C. được hình thành từ các hợp chất có nguồn gốc động thực vật (sinh học) và thân thiện với môi trường.

D. được sử dụng trong các nhà máy năng lượng hạt nhân để tạo ra nhiệt cung cấp cho các tua bin chạy máy phát điện.

TRƯỜNG THCS THANH AM **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

Năm học 2022 - 2023 **Môn: Tin học lớp 6**

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng

Bài 1: Thông tin và dữ liệu

Bài 2: Xử lí thông tin

Bài 3: Thông tin trong máy tính

Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet

Bài 4: Mạng máy tính

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Thông tin có thể giúp cho con người:

A. không cần phải tư duy nhiều nữa

B. lưu trữ và truyền tải hình ảnh

C. không cần phải học hỏi gì thêm nữa

D. đưa ra những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả.

Câu 2: Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là :

A. dữ liệu được lưu trữ. C. thông tin ra.

B. thông tin vào. D. thông tin máy tính.

Câu 3: Nghe bản tin dự báo thời tiết "Ngày mai trời có thể mưa", em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra) ?

A. Mặc đồng phục; C. Ăn sáng trước khi đến trường;

B. Đi học mang theo áo mưa; D. Hẹn bạn Trang cùng đi học.

Câu 4: Tai người bình thường có thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây:

A. tiếng chim hót; C. ăn sáng trước khi đến trường;

B. đi học mang theo áo mưa; D. hẹn bạn Hương cùng đi học.

Câu 5: Mắt thường không thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây?

A. Đàn kiến đang "tấn công" lọ đường quên đậy nắp;

B. Những con vi trùng gây bệnh lị lẫn trong thức ăn bị ôi thiu;

C. Rác bẩn vứt ngoài hành lang lớp học;

D. Bạn Phương quên không đeo khăn quàng đỏ.

Câu 6: Một trong những nhiệm vụ chính của tin học là:

A. nghiên cứu giải các bài toán trên máy tính;

B. nghiên cứu chế tạo các máy tính với nhiều tính năng ngày càng ưu việt hơn;

C. nghiên cứu việc thực hiện các hoạt động thông tin một cách tự động nhờ sự trợ giúp của máy tính điện tử;

D. biểu diễn các thông tin đa dạng trong máy tính.

Câu 7: Phương án nào sau đây là thông tin?

A. Các con số thu thập được qua cuộc điều tra dân số

B. Kiến thức về phân bố dân cư

C. Phiếu điều tra dân số

D. Tệp lưu trữ tài liệu về điều tra dân số.

Câu 8: Công cụ nào sau đây *không phải* là vật mang tin?

A. Giấy C. Thẻ nhớ

B. Cuộn phim D. Xoong.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao

B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra

C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh
D. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.

Câu 10: Trình tự của quá trình xử lí thông tin là:
A. nhập (INPUT) → Xuất (OUTPUT) → Xử lý
B. nhập → Xử lý → Xuất
C. xuất → Nhập → Xử lý
D. xử lý → Xuất → Nhập.

Câu 11: CPU là cụm từ viết tắt để chỉ:
A. bộ nhớ trong của máy tính;
B. thiết bị trong máy tính;
C. bộ phận điều khiển hoạt động máy tính và các thiết bị;
D. bộ xử lý trung tâm.

Câu 12: Một ổ cứng di động có 2 TB có dung lượng nhớ tương đương bao nhiêu?
A. 2048 KB
B. 10024 KB
C. 2048 MB
D. 2048 MB

Câu 13: Các khối chức năng chính của máy tính hoạt động dưới sự hướng dẫn của:
A. các thông tin mà chúng có;
B. phần cứng máy tính;
C. các chương trình do con người lập ra;
D. bộ não máy tính.

Câu 14: Một thẻ nhớ 4GB lưu trữ được bao nhiêu ảnh 512KB?
A. 2000 ảnh
B. 4000 ảnh
C. 8000 ảnh
D. 8 triệu ảnh

Câu 15: Thiết bị dùng để di chuyển con trỏ trên màn hình là:
A. mođem;
B. chuột
C. CPU
D. bàn phím

Câu 16: Thiết bị cho em thấy các hình ảnh hay kết quả hoạt động của máy tính là:
A. bàn phím
B. CPU
C. chuột
D. màn hình

Câu 17:Phần mềm máy tính là:
A. chương trình ngoài máy tính
B. là chuột, màn hình, máy in
C. chương trình máy tính, tập hợp các lệnh chỉ dẫn cho máy tính thực hiện các công việc cụ thể
D. chỉ có hệ điều hành mới được gọi là phần mềm máy tính.

Câu 18: Sự khác biệt giữa phần cứng và phần mềm máy tính là gì?
A. Em có thể tiếp xúc với phần cứng, nhưng không tiếp xúc được với phần mềm mà chỉ thấy kết quả hoạt động của chúng;
B. Phần cứng được chế tạo bằng kim loại; còn phần mềm được làm từ chất dẻo;
C. Phần cứng luôn luôn tồn tại, còn phần mềm chỉ tạm thời (tồn tại trong thời gian ngắn);
D. Phần cứng hoạt động ổn định còn phần mềm hoạt động không tin cậy.

Câu 19: Người ta chia phần mềm ra hai loại chính là các loại nào dưới đây?
A. Phần mềm giải trí và phần mềm làm việc;
B. Phần mềm soạn thảo văn bản và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu;
C. Phần mềm của hãng Microsoft và phần mềm của hãng IBM.
D. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng.

Câu 20: Những khả năng to lớn nào đã làm cho máy tính trở thành một công cụ xử lý thông tin hữu hiệu?
A. khả năng tự thay đổi nội dung để làm vừa lòng con người
B. Làm việc giống hệt con người
C. Máy tính có cảm xúc như con người
D. Tính toán nhanh, làm việc không mệt mỏi, khả năng lưu trữ lớn.

Câu 21: Máy tính có thể dùng để điều khiển:
A. đường bay của những con ong trong rừng;
B. đường đi của đàn cá ngoài biển cả;
C. tàu vũ trụ bay trong không gian;
D. mặt rơi của đồng xu được em tung lên cao.
Câu 22: Hạn chế lớn nhất của máy tính hiện nay gì?
A. Khả năng lưu trữ còn hạn chế;
B. Chưa phát được ra âm thanh như người;
C. Không có khả năng tư duy như con người;
D. Kết nối Internet còn chậm.
Câu 23: Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng nào?

A. thông tin
B. dãy bit
C. số thập phân
D. các kí tự.

Câu 24: Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là gì?
A. Byte
B. Digit
C. Kilobyte
D. Bit.

Câu 25: Một mạng máy tính gồm:
A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau
B. một số máy tính bàn
C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau
D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà.
Câu 26: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ gì?
A. Máy in
B. Bàn phím và chuột
C. Máy quét
D. Dữ liệu
Câu 27: Phát biểu nào sau đây sai?
A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính
C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính
Câu 28: Trong các nhận định sau, nhận định nào <u>không phải là lợi ích</u> của việc sử dụng mạng máy tính?
A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng
B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ
C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm
D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng
Câu 29: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị đầu cuối?
A. Máy tính
B. Máy in
C. Bộ định tuyến
D. Máy quét

Câu 30: Phát biểu nào sau đây *sai*

A Mạng có dây kết nối các máy tính về dây dẫn mạng

B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình

C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh,…

D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn

II. Tự luận

Câu 1: Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin? Cho ví dụ minh họa?

Câu 2: Máy tính giúp con người nâng cao hiệu quả trong hoạt động nào của quá trình xử lí thông tin?

Câu 3:

a. Giả sử một bức ảnh được chụp bằng một máy ảnh kĩ thuật số có dung lượng khoảng 12MB. Vậy một thẻ nhớ có 16GB có thể chứa bao nhiêu bức ảnh như vậy

b. Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô (8x8). Giả sử kí hiệu ô bị tô màu là 1 và ô trắng là 0. Hãy chuyển mỗi dòng trong hình vẽ sau thành dãy bit (viết lần lượt từ trái qua phải và từ trên xuống dưới. Mỗi dãy bit viết trên 1 dòng)

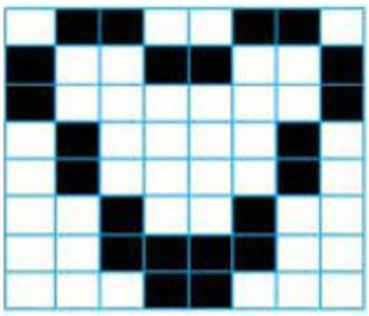

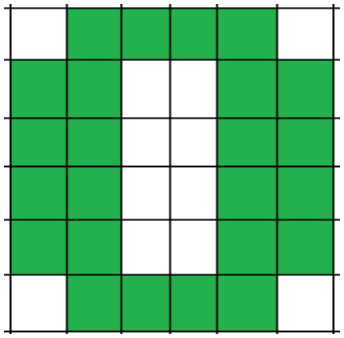

TRƯỜNG THCS THANH AM **NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**
Năm học: 2022 - 2023 **MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6**

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phần Lịch sử:

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4,5,6.
2. Nội dung chính:

** Phần 1: Vì sao phải học Lịch sử*

- Lịch sử và cuộc sống.
- Dựa vào đâu để biết và phục dựng Lịch sử.
- Thời gian trong Lịch sử.

** Phần 2: Xã hội nguyên thủy*

- Nguồn gốc loài người.
- Xã hội nguyên thủy.
- Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy.

** Phần 3: Xã hội cổ đại*

- Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

II. Phần Địa lí:

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4.
2. Nội dung chính:

** Phần 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến*

- Kinh độ, vĩ độ.
- Tọa độ địa lí của 1 điểm.

** Phần 2: Bản đồ*

- Phương hướng trên bản đồ.
- Một số lưới kinh tuyến, vĩ tuyến.
- Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách trên thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.
- Kí hiệu và bảng chú giải trên bản đồ.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Cho bản đồ có tỉ lệ 1: 5000, khoảng cách từ nhà bạn Thiên Minh đến trường THCS Thanh Am là 15cm trên bản đồ. Giả sử Thiên Minh đi bộ với vận tốc trung bình là 1,25m/s. Hỏi bạn Thiên Minh đi từ nhà đến trường mất bao nhiêu phút?

Câu 2: So sánh đặc điểm của hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả địa cầu.

Câu 3: Bản đồ là gì? Trình bày vai trò của bản đồ.

Câu 4: Khoảng cách từ Hà Nội đến Nghệ An là 300km. Trên bản đồ Việt Nam khoảng cách 2 thành phố đo được 5cm. Bản đồ có tỉ lệ bao nhiêu?

Câu 5: Kí hiệu bản đồ là gì? Nêu các bước tìm đường đi trên bản đồ.

Câu 6: Trình bày về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tối cổ và Người tinh khôn?

Câu 7: Hãy chỉ ra những thay đổi trong đời sống xã hội khi khi công cụ bằng kim loại xuất hiện. Vì sao xã hội nguyên thủy ở phương Đông phân hóa nhưng không triệt để?

Câu 8: Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm hiện tại khoảng bao nhiêu năm?

a. Khoảng thiên niên kỉ thứ III TCN, người Ai Cập đã biết làm ra lịch.

b. Thục Phán lập ra nước Âu Lạc vào khoảng năm 208 TCN.

c. Năm 938, Ngô quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

d. Năm 40, hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn.

Câu 9: Trình bày vài nét về đời sống vật chất của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

Câu 10: Trình bày vài nét về đời sống tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2022- 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I MÔN GDCD LỚP 6

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ.
2. Yêu thương con người.
3. Siêng năng, kiên trì.

B/ BÀI TẬP:

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,… liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Em hãy nêu một số việc làm để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. Theo em truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân?

Câu 2: Tự lập có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống hằng ngày của em? Hãy đánh giá khả năng tự lập của bản thân mình. Theo em, học sinh cần phải rèn luyện như thế nào trong học tập và trong sinh hoạt hằng ngày để trở thành người có tính tự lập?

Câu 3: Em hãy kể một số truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ mà em biết. Học sinh chúng ta cần làm gì để phát huy truyền thống gia đình dòng họ?

Câu 4: Thế nào là siêng năng, kiên trì? Em hãy sưu tầm một tấm gương về siêng năng, kiên trì và viết bài học rút ra từ tấm gương đó.

Bài tập tình huống

Tình huống 1:
M là học sinh khuyết tật mới chuyển đến lớp em. Bạn ấy thường ngồi một chỗ trong giờ gia chơi để nhìn các bạn khác vui đùa, chạy nhảy.
Theo em, em và các bạn trong lớp nên ứng xử như thế nào trong tình huống này? Vì sao?

Tình huống 2: Các bạn học sinh lớp 6A được cô giao bốn bài tập về nhà. Lan cố gắng suy nghĩ và làm ba bài đầu rất cẩn thận, nhưng đến câu cuối Lan nghĩ mãi không tìm ra cách làm nên Lan chép ở sách giải bài tập để khỏi mất công suy nghĩ.
Em hãy nhận xét về việc làm của Lan trong tình huống trên? Bạn thấy Lan cần rèn thêm đức tính nào?

Tình huống 3:
Hoa có thói quen ngồi vào bàn học bài lúc 7 giờ tối, mỗi môn học Hoa đều học bài và làm bài đầy đủ. Nhưng để có được việc làm bài đầy đủ ấy thì khi gặp bài khó, bạn thường ngại suy nghĩ và giở sách giải bài tập ra chép cho nhanh. Một lần sang nhà bạn học nhóm, các bạn rất ngỡ ngàng khi thấy Hoa làm bài nhanh và rất chính xác, các bạn xúm lại hỏi Hoa

cách giải thì bạn trả lời: “À, khó quá, nghĩ mãi không được nên tớ chép ở sách giải bài tập cho nhanh. Các cậu cũng lấy mà chép, khỏi mất công suy nghĩ”.
Câu hỏi : Việc làm của Hoa trong tình huống trên có điều gì được và chưa được? Bạn còn thiếu đức tính gì?

Tình huống 4:
Nhà trường phát động quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lụt. Ở lớp của Linh, các bạn ủng hộ tiền và rất nhiều quần áo. Do gia đình khó khăn nên Linh chỉ đóng góp được một ít sách giáo khoa cũ. Một số bạn trong lớp phê bình Linh làm ảnh hưởng tới thành tích của lớp và cho rằng Linh không biết yêu thương, giúp đỡ người khác.
a. Em có đồng tình với một số bạn trong lớp phê bình Linh không? Vì sao?
b. Nếu em là một người bạn cùng lớp với Linh, em sẽ làm gì?

TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2022-2023

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
Môn: Nghệ thuật 6 - Nội dung: Âm nhạc

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát *Em yêu giờ học âm nhạc*
- Bài hát: *Lí cây đa*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 1.
- Bài đọc nhạc số 2.

Trường THCS Thanh Am
Năm học 2022 – 2023

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
Môn: Nghệ thuật- Nội dung: Mĩ Thuật 6

I. Nội dung bài học

1. Hội Xuân quê hương
2. Hoạt cảnh ngày hội

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: hs biết vẽ cơ bản và biết dựng hoạt cảnh.

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết
   - Hoạt cảnh là gì?
   - Các bước tạo hoạt cảnh?
   - Nêu những hình ảnh về mùa xuân ở quê hương em?
2. Thực hành:
   - Hội xuân quê em:
     + Hình thức: vẽ tranh
     + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
     + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
     + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
     + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mĩ
   - Tạo hình nhân vật 3D:
     + Hình thức: tạo hoạt cảnh từ nhân vật 3D
     + Bố cục: hoạt cảnh có mảng chính phụ
     + Hình vẽ: tạo hoạt cảnh bằng các chất liệu tái chế
     + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
     + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mĩ
3. Yêu cầu thực hành

   Thực hành giấy hoặc mô hình.

TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2022- 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Giáo dục thể chất - khối 6

I. Nội dung ôn tập.

- Kỹ thuật chạy cự ly ngắn (60m)

II. Yêu cầu.

- Học sinh thực hiện được kỹ thuật chạy cự ly ngắn (60m).

BAN GIÁM HIỆU
(Kí duyệt)

Lê Thị Ngọc Anh